

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-9-2022

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Pên tòa: Bà Hồ Thị Ánh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Tiềm;
2. Ông Đặng Thế Ứng.

- Thư ký Pên tòa: Ông Bùi Lê Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1976;

Địa chỉ: ấp B, xã Phú C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: ông Phạm Thanh X, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Bà P và ông X vắng mặt tại Pên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị P trình bày:

Bà và ông Phạm Thanh X quen biết nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Quý. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cãi nhau và bất đồng trong cuộc sống.

Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên bà và ông X đã ly thân nhau từ năm 2019 đến nay. Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh X.
- Về con chung:

Giữa bà và ông X có 03 con chung, gồm:

- + Phạm Thị Cẩm Q, sinh ngày 18 tháng 5 năm 1997;
- + Phạm Diễm M, sinh năm 1999;
- + Phạm Hữu B, sinh ngày ngày 12/6/2003.

Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung:

Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung:

Hồng có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Phạm Thanh X không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P.

* Tại Pên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị P vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;
- Nguyên đơn ông Phạm Thanh X vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại Pên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại Pên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị P là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P.

Ông Phạm Thanh X là bị đơn đã được triệu tập lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại Pên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P và ông X.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Giữa bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Thanh X chung sống với nhau có đăng ký kết hôn.

Theo đơn khởi kiện, bà P xác định cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Phạm Thanh X không có hạnh phúc, thường xuyên tranh cãi nhau và đã ly thân từ năm 2019 đến nay không hàn gắn được nên bà P xin được ly hôn với ông X.

Ông Phạm Thanh X đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà P và không tham gia Pên hòa giải đoàn tụ, vắng mặt tại Pên tòa nên Hội đồng có căn cứ xác định ông Phạm Thanh X không còn quan tâm đến hôn nhân với bà P, thừa nhận trình bày của bà P về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng là đúng.

Thấy rằng: tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị P và ông Phạm Thanh X là trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của P là phù hợp theo quy định tại các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Giữa bà P và ông X có 03 con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Bà P không yêu cầu giải quyết tài sản chung nên không xem xét.

[3] Về án phí: bà P là nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị P được ly hôn với ông Phạm Thanh X.

2. Về án phí:

Bà P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002558 ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo:

Bà P và ông X có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Cai Lậy, TG;
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy, TG;
- UBND xã P;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PÊN TÒA
Đã ký**

Hồ Thị Ánh Tuyết